

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẬP
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 02 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP- TỈNH PHÚ THỌ**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Mẫu.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Quang Sáng.

- Ông Đinh Quang Mạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cấn Trường Trung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1979. Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1974. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đều trú quán: Khu 4, xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: tôi và Anh Đinh Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ ngày 26 tháng 11 năm 1996. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong làm ăn, sinh hoạt và nuôi dạy con cái, vợ chồng thiếu quan tâm đến nhau, không tôn trọng yêu thương nhau, anh chị đã khắc phục nhiều lần và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2005 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến tòa án, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật cho anh T nhưng anh T không có mặt.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có một con chung là Đinh Thị N, sinh ngày 08/11/1997. Chị T trình bày cháu N đã trưởng thành, lấy chồng ở giêng nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T trình bày không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, bị đơn không có mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm a, b khoản 2 điều 227, 228, 233 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn Anh Đình Văn T, về con chung: Chị T không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Các mối quan hệ khác về tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Chị T phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Chị T, anh T để hòa giải nhưng anh T cố tình vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành làm việc với khu hành chính nơi Chị T, anh T sinh sống thì được khu cho biết Chị T và anh T có sảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, còn thực tế mâu thuẫn như thế nào thì khu không biết. Anh chị đã cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2008 đến nay. Nay Chị T xin ly hôn anh T đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Tòa án cũng đã trực tiếp làm việc với gia đình anh T thì được gia đình cho biết hiện nay anh T đi làm ăn thỉnh thoảng mới về, còn về tình trạng hôn nhân thì gia đình xác nhận là mâu thuẫn giữa Chị T và anh T đã rất trầm trọng nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và Anh Đình Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ ngày 26 tháng 11 năm 1996. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hòa thuận đến năm 2005 thì sảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong làm ăn, sinh hoạt và nuôi dạy con cái, vợ chồng thiếu quan tâm đến nhau, không tôn trọng yêu thương nhau, anh chị đã khắc phục nhiều lần và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2005 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Qua xác minh tại địa phương và làm việc với gia đình anh T thì thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng như Chị T trình bày là đúng. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng Chị T và anh T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc Chị T xin ly hôn anh T là đúng với thực tế, có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật, nên cần xử cho Chị T được ly hôn anh T

Tòa án triệu tập nhiều nhưng anh T cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết tiếp vụ án. Như vậy anh T đã từ chối quyền lợi của bản thân, cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên vụ án phải được xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh T có một con chung nhưng cháu đã trưởng thành, lao động tự túc được nên Chị T không đề nghị giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T vắng mặt không có quan điểm đề nghị, nếu sau này anh T có yêu cầu thì xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm a, b khoản 2 điều 227, 228, 233 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Bùi Thị T được ly hôn Anh Đinh Văn T.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Xác nhận Chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: A/A/2018/ 0001230 ngày 05/ 12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Bùi Thị T và Anh Đinh Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND xã Xuân Viên, H: Yên Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Mẫu